



guì zhòng

贵重

Adjective · precious

Example Sentences

huáng jīn shì yì zhǒng guì zhòng jīn shǔ
黄金是一种贵重金属。

Gold is a precious metal

jǐng chá yā yùn guì zhòng wù pǐn
警察押运贵重物品。

Police escort valuable items.

qǐng bǎo guǎn hǎo zhè xiē guì zhòng de wù pǐn
请保管好这些贵重的物品。

Please take good care of these precious items.

Trace each character, then write the word on your own.

贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵	贵
贵										

重	重	重	重	重	重	重	重	重	重	重
重										